TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
297	725	G1373	Diosmin + hesperidin	Daflon 1000mg	900mg; 100mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VN3-291-20	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	48	1	6.320,00	7.150,00	48.000	303.360.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
298	725	G1374	Diosmin + hesperidin	Savidimin 1000	900mg + 100mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-34734-20	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 15 viên; hộp 4 vỉ x 15 viên	36	2	6.000,00	6.200,00	24.000	144.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
299	731	G1381	Octreotid	Octreotide	0,1mg/ml	Dung dịch tiêm hoặc dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm	Ống	VN-19094-15	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)	Ý	Hộp 10 ống 1ml	36	1	89.985,00	185.000,00	100	8.998.500,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN
300	732	G1384	Simethicon	Airflat 125	125 mg	Viên	Uống	Viên	VD-33818-19	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	Hộp 05 vỉ x 10 viên	24	4	1.071,00	1.365,00	720.000	771.120.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN
301	732	G1388	Simethicon	Simecol	40mg/1ml; 20ml	Hỗn dịch uống	Uống	Chai	VD-33279-19	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Hộp 1 chai 20ml	24	4	28.000,00	40.000,00	12.000	336.000.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
302	736	G1396	Trimebutin maleat	AGITRITINE 200	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-13753-11	Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	4	565,00	1.500,00	60.000	33.900.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
303	737	G1403	Ursodeoxycholic acid	Ursobil	300mg	Viên nén	Uống	Viên	VN-20260-17	ABC Farmaceutici S.P.A	Ý	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	1	15.950,00	17.000,00	6.000	95.700.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
304	748	G1419	Methyl prednisolon	Medsolu 4mg	4mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-21349-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	60	3	890,00	1.167,00	240.000	213.600.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
305	748	G1421	Methyl prednisolon	ID-Arsolone 4	4mg	Viên nang cứng	Uống	viên	VD-30387-18	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	4	850,00	2.100,00	240.000	204.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ PHƯƠNG
306	748	G1425	Methyl prednisolon	Methyl prednisolon 16	16mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-20763-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	36	4	625,00	2.650,00	60.000	37.500.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
307	748	G1427	Methyl prednisolon	Creao Inj.	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	VN-21439-18	BCWorld Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 10 lọ	36	2	29.988,00	32.000,00	3.600	107.956.800,00	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIỆN
308	748	G1430	Methyl prednisolon	Pdsolone-125mg	125mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Lọ	VN-21913-19	Swiss Parenterals Pvt.Ltd	Ấn Độ	Hộp 1 lọ	36	2	63.300,00	65.000,00	100	6.330.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
309	749	G1433	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Prednisolone 5mg	5mg	Viên nén	Uống	viên	VD-24887-16	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Chai 500 viên	36	4	90,00	267,00	600.000	54.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
310	749	G1434	Prednisolon	Berzitin DT 5	5mg	Viên	Uống	Viên	VD-35614-22	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 03 vỉ x 10 viên	36	4	1.928,00	2.200,00	180.000	347.040.000,00	CÔNG TY TNHH SHINE PHARMA
311	756	G1437	Dydrogesteron	Duphaston	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VN-21159-18	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 1 vỉ x 20 viên	60	1	7.728,00	9.673,00	1.200	9.273.600,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
312	770	G1445	Acarbose	SaVi Acarbose 50	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-21685-14	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	2	1.970,00	2.850,00	120.000	236.400.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
313	770	G1448	Acarbose	SaVi Acarbose 100	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-24268-16	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	2	3.801,00	4.000,00	360.000	1.368.360.000,00	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA
314	774	G1459	Gliclazid	Golddicron	30mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	VN-18660-15	Valpharma International S.P.A	Ý	Hộp 5 vỉ x 20 viên	36	1	2.625,00	2.860,00	180.000	472.500.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
315	774	G1462	Gliclazid	Pyme Diapro MR	30mg	viên nén phóng thích kéo dài	Uống	viên	VD-22608-15	Pymepharco	Việt Nam	H/2 vỉ/30 viên nén phóng thích kéo dài	36	4	275,00	1.450,00	960.000	264.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
316	774	G1467	Gliclazid	Staclazide 80	80mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-35321-21	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	24	3	1.885,00	2.500,00	180.000	339.300.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY
317	775	G1469	Gliclazid + metformin	Glizym-M	80mg + 500mg	Viên nén	Uống	Viên	VN3-343-21	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.	Ấn Độ	Hộp 20 vỉ x 10 viên	36	5	3.200,00	3.360,00	180.000	576.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH
318	777	G1476	Glimepirid + metformin	PERGLIM M-2.	2mg + 500mg	Viên nén phóng thích chậm	Uống	Viên	VN-20807-17	Inventia Healthcare Limited	Ấn Độ	Hộp 5 vỉ x 20 viên	24	3	3.000,00	3.300,00	180.000	540.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
319	777	G1477	Glimepirid + metformin	Comiryl 2mg/500mg	2mg + 500mg	viên nén bao phim	Uống	viên	VD-33885-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36	4	2.478,00	3.000,00	1.800.000	4.460.400.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
320	778	G1478	Glipizid	SaVi Glipizide 5	5mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-29120-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	2	2.950,00	2.950,00	60.000	177.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
321	778	G1479	Glipizid	Mitipizid 5mg	5mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-35325-21	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24	4	1.495,00	2.900,00	60.000	89.700.000,00	CÔNG TY TNHH TMDP MINH TÍN
322	780	G1481	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài Glargine	Toujeo Solostar	300 đơn vị/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	QLSP-1113-18	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	30	1	415.000,00	556.424,00	3.000	1.245.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
323	781	G1488	Insulin analog trộn, hỗn hợp	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	QLSP-1088-18	Lilly France	Pháp	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	36	1	178.080,00	240.000,00	6.000	1.068.480.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
324	782	G1489	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Actrapid	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	QLSP-1029-17	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	30	1	57.000,00	90.000,00	100	5.700.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
325	784	G1494	Insulin người trộn, hỗn hợp	INSUNOVA - 30/70 (BIPHASIC)	100IU/ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Lọ	QLSP-847-15	Biocon Limited	Ấn Độ	Hộp 1 lọ x 10ml	24	5	51.999,00	143.000,00	6.000	311.994.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
326	784	G1495	Insulin người trộn, hỗn hợp	Mixtard 30 FlexPen	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	QLSP-1056-17	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	30	1	69.500,00	140.000,00	28.000	1.946.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
327	785	G1497	Linagliptin	Linatab Tablet	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VN-23118-22	Incepta Pharmaceuticals Ltd	Bangladesh	Hộp 2 vỉ x 10 viên	36	2	9.850,00	10.000,00	6.000	59.100.000,00	CÔNG TY TNHH MN PHARMA
328	788	G1502	Metformin	Métforilex MR	500mg	Viên nén tác dụng kéo dài	Uống	Viên	VD-28743-18	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	3	758,00	1.200,00	480.000	363.840.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C
329	788	G1503	Metformin	Métforilex MR	500mg	Viên nén tác dụng kéo dài	Uống	Viên	VD-28743-18	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	758,00	1.200,00	480.000	363.840.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y.A.C
330	788	G1505	Metformin	Glumeform 750 XR	750mg	viên nén giải phóng kéo dài	Uống	viên	VD-35539-22	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vỉ x 10 viên	36	2	1.900,00	1.900,00	120.000	228.000.000,00	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG
331	788	G1507	Metformin	Fordia MR 750mg	750mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Uống	Viên	VD-30179-18	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	24	4	1.019,00	1.900,00	120.000	122.280.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
332	788	G1515	Metformin	DH-Metglu XR 1000	1000mg	viên nén phóng thích kéo dài	Uống	viên	VD-27507-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36	4	1.638,00	4.000,00	720.000	1.179.360.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
333	789	G1516	Repaglinid	Enyglid Tablet	1mg	Viên nén	Uống	Viên	VN-22613-20	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	1	3.990,00	4.380,00	24.000	95.760.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
334	792	G1522	Sitagliptin	Sitagil 50	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VN-22753-21	Incepta Pharmaceutical Limited	Bangladesh	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24	2	4.750,00	9.500,00	24.000	114.000.000,00	CÔNG TY TNHH TM VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC VIỆT
335	794	G1531	Vildagliptin	Vigasmin 50mg	50mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-34837-20	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	4	1.890,00	7.800,00	24.000	45.360.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TBYT BÌNH AN

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
336	808	G1553	Baclofen	BACFENZ 20	20mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-30488-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	2	3.700,00	4.000,00	60.000	222.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM
337	824	G1571	Brimonidin tartrat + timolol	Combigan	2mg/ml + 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-20373-17	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Hộp 1 lọ 5ml	21	1	183.513,00	183.515,00	100	18.351.300,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
338	825	G1572	Brinzolamid	Azopt	10mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-21090-18	Alcon Research, LLC.	Mỹ	Hộp 1 lọ 5ml	24	1	116.700,00	116.701,00	120	14.004.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
339	838	G1581	Indomethacin	Indocollyre	0,1%	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-12548-11	Laboratoire Chauvin	Pháp	Hộp/ 1 lọ 5ml	18	1	68.000,00	73.000,00	50	3.400.000,00	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH
340	839	G1582	Kali iodid + Natri iodid	Posod eye drops	(3mg + 3mg)/1ml; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-18428-14	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 1 lọ 10ml	24	2	28.350,00	32.592,00	1.200	34.020.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT
341	839	G1583	Kali iodid + Natri iodid	Posod eye drops	(3mg + 3mg)/1ml; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-18428-14	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 1 lọ 10ml	24	5	28.350,00	32.592,00	1.200	34.020.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT
342	845	G1586	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Refresh Tears	0,5%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-19386-15	Allergan Sales, LLC	Mỹ	Hộp 1 lọ 15ml	24	1	64.101,00	64.103,00	100	6.410.100,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
343	847	G1588	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	0,9%/10ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt, mũi	Nhỏ mắt, mũi	Lọ	VD-29295-18	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Hộp 1 lọ 10ml	36	4	1.320,00	3.000,00	6.000	7.920.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
344	854	G1601	Pirenoxin	Kary Uni	0,25mg/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-21338-18	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	36	1	30.294,00	32.424,00	100	3.029.400,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
345	855	G1602	Polyethylen glycol + propylen glycol	Systane Ultra 5ml	0,4% + 0,3%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	VN-19762-16	Alcon Research, LLC	Mỹ	Hộp 1 lọ 5ml	24	1	60.100,00	66.110,00	600	36.060.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
346	855	G1603	Polyethylen glycol + propylen glycol	Novotane ultra	(0.4%+0.3%)-5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ống	VD-26127-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 1 ống, ống 5ml	36	4	45.000,00	60.000,00	6.000	270.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
347	858	G1606	Tetracain	TETRACAIN 0,5%	50mg	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai	VD-31558-19	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	24	4	15.015,00	16.800,00	100	1.501.500,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
348	865	G1611	Betahistin	Kemhistine 8mg Tablet	8mg	Viên nén	Uống	viên	VN-20143-16	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	Hộp/04 vỉ x 15 viên	24	1	1.600,00	1.760,00	120.000	192.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (IISMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
349	865	G1612	Betahistin	Celtitas 8	8mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	VD-30186-18	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	1.300,00	1.320,00	60.000	78.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN NAM
350	865	G1613	Betahistin	Divaser	8mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-28453-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	2	840,00	1.000,00	60.000	50.400.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
351	865	G1615	Betahistin	Kernhistine 16mg Tablet	16mg	Viên nén	Uống	viên	VN-19865-16	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	Hộp/03 vỉ x 10 viên	24	1	1.830,00	3.160,00	240.000	439.200.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH
352	865	G1618	Betahistin	Betaserc 24mg	24mg	Viên nén	Uống	Viên	VN-21651-19	Mylan Laboratories SAS	Pháp	Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	1	5.962,00	6.205,00	24.000	143.088.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
353	868	G1623	Fluticason propionat	MESECA	50mcg/0,05ml (0,1%)	Hỗn dịch xịt mũi	Xịt mũi	Lọ	VD-23880-15	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 60 liều	36	4	96.000,00	98.000,00	600	57.600.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
354	877	G1629	Carbetocin	Duratocin	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Lọ	VN-19945-16	Ferring GmbH	Đức	Hộp 5 lọ x 1ml	36	1	358.233,00	398.037,00	24	8.597.592,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
355	881	G1634	Methyl ergometrin maleat	Vingomin	0,2mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	VD-24908-16	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 ống; Hộp 1 vỉ x 10 ống; Hộp 5 vỉ x 10 ống	24	4	11.900,00	11.900,00	300	3.570.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
356	882	G1636	Oxytocin	Vinphatoxin	5IU/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	VD-28703-18	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống; Hộp 5 vỉ x 10 ống	36	4	2.800,00	3.550,00	6.000	16.800.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
357	884	G1639	Misoprostol	HERAPROSTOL	200mcg	Viên nén	Uống	Viên	VD-29544-18	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24	4	3.440,00	4.700,00	6.000	20.640.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
358	893	G1653	Diazepam	Seduxen 5 mg	5mg	Viên nén	Uống	Viên	VN-19162-15	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Hộp 10 vỉ x 10 viên	60	1	1.260,00	1.260,00	24.000	30.240.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
359	893	G1655	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	VN-19414-15	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống 2ml	24	1	8.799,00	8.800,00	300	2.639.700,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
360	894	G1656	Etifoxin chlohydrat	Stresam	50mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	VN-21988-19	Biocodex	Pháp	Hộp 3 vỉ x 20 viên	36	1	3.300,00	3.745,00	90.000	297.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
361	894	G1657	Etifoxin chlohydrat	Lefeixin	50 mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	VD-33479-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Mê Di Sun	Việt Nam	Hộp 03 vỉ x 10 viên	36	4	3.290,00	3.500,00	90.000	296.100.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
362	913	G1678	Olanzapin	Olanxol	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-26068-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	3	2.310,00	2.700,00	24.000	55.440.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
363	916	G1687	Sulpirid	Devodil 50	50mg	Viên	Uống	Viên	VN-19435-15	Remedica Ltd	Síp	Hộp 2 vỉ x 10 viên	60	1	2.600,00	2.800,00	480.000	1.248.000.000,00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM NAM TIẾN
364	921	G1692	Amitriptylin hydroclorid	AMITRIPTYLINE HYDROCHLORIDE 10MG	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-29098-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	2	1.450,00	1.450,00	180.000	261.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM
365	932	G1712	Acetyl leucin	Gikanin	500mg	Viên nén	Uống	Viên	VD-22909-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 10 viên	36	4	393,00	1.000,00	600.000	235.800.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
366	932	G1714	Acetyl leucin	Vintanil 1000	1000mg/10 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	VD-27160-17	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 5 ống	36	4	24.000,00	24.000,00	3.600	86.400.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
367	937	G1719	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	HORNOL	5mg+ 3mg	Viên nang	Uống	Viên	VD-16719-12	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên	36	2	4.200,00	5.500,00	120.000	504.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
368	939	G1728	Ginkgo biloba	Ginkgo 3000	60mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VN-20747-17	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Úc	Chai 60 viên, Hộp 6 vỉ x 15 viên	36	1	5.980,00	6.000,00	1.000	5.980.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HUY CƯỜNG
369	942	G1734	Piracetam	Apratam	400mg	Viên nang	Uống	Viên	VN-15827-12	Arena Group S.A.	Romania	Hộp 100 viên	36	1	1.550,00	1.635,00	480.000	744.000.000,00	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂM VIỆT PHÁT
370	942	G1735	Piracetam	Neuropyl 400	400mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	VD-25094-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	2	550,00	550,00	480.000	264.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
371	945	G1753	Bambuterol	Bambuterol 20 A.T	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-34137-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	36	4	1.260,00	2.205,00	60.000	75.600.000,00	CÔNG TY CP DP AN THIÊN
372	947	G1760	Budesonid + formoterol	Fortraget Inhaler 200mcg + 6mcg	200mcg + 6mcg	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Dạng hít	Bình xịt	VN-22022-19	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Hộp 1 bình xịt 120 liều	24	5	150.000,00	187.000,00	2.400	360.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
373	948	G1761	Fenoterol + ipratropium	Berodual 10ml	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Dung dịch khí dung	Khí dung	Bình	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	24	1	132.323,00	132.323,00	2.400	317.575.200,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
374	948	G1763	Fenoterol + ipratropium	Berodual 20ml	500mcg/ml + 250mcg/ml	Dung dịch khí dung	Khí dung	Lọ	VN-22997-22	Istituto de Angeli S.R.L	Ý	Hộp 1 lọ 20ml	36	5	96.870,00	96.871,00	200	19.374.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
375	953	G1765	Natri montelukast	Zinkast	5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	VD3-59-20	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Hộp 7 gói, 14 gói, 20 gói, 28 gói, 30 gói x 1g	24	4	5.790,00	6.000,00	24.000	138.960.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
376	955	G1768	Salbutamol sulfat	Sallet	2mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	Ống	VD-34495-20	Công Ty Cổ Phần Dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	24	4	3.990,00	4.600,00	120.000	478.800.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C
377	955	G1774	Salbutamol sulfat	Vinsalmol 5	5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Đường hô hấp	Ống	VD-30605-18	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 ống x 2,5ml; Hộp 5 vỉ x 10 ống x 2,5ml	36	4	8.400,00	8.500,00	24.000	201.600.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
378	957	G1776	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	25mcg + 125mcg	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Dạng hít	Bình xịt	VN-21286-18	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình 120 liều xịt	24	1	210.176,00	225.996,00	480	100.884.480,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
379	960	G1781	Tiotropium	Spiriva Respimat	0,0025mg/nhát xịt	Dung dịch để hít	Dạng hít	Ống	VN-16963-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	36	1	800.100,00	1.016.388,00	20	16.002.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
380	961	G1783	Ambroxol	Ambroxol HCl Tablets 30mg	30mg	Viên nén	Uống	Viên	VN-21346-18	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Đài Loan	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	2	1.050,00	1.210,00	720.000	756.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN KHANG
381	962	G1793	Bromhexin hydroclorid	Agi-Bromhexine 16	16mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	VD-30270-18	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	4	630,00	890,00	600.000	378.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
382	963	G1796	Carbocistein	Carbocistein 375 DT	375mg	Viên nén phân tán	Uống	Viên	VD-35000-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ , 12 vỉ x 10 viên	36	4	3.700,00	4.200,00	60.000	222.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
383	963	G1798	Carbocistein	Ausmuco 750V	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-31668-19	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	36	4	2.499,00	3.800,00	120.000	299.880.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH
384	970	G1813	N-acetylcystein	ANC	200mg	Dung dịch uống	Uống	Chai	VD-32057-19	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 1 chai 30ml	36	4	27.500,00	80.000,00	6.000	165.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
385	976	G1820	Kali clorid	Kalium Chloratum Biomedica	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VN-14110-11	Biomedica, spol.s.r.o	Czechia	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	1	1.500,00	1.800,00	12.000	18.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
386	976	G1822	Kali clorid	Kaleorid	600mg	Viên bao phim giải phóng chậm	Uống	Viên	VN-15699-12	Leo Pharmaceutical Products Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	Hộp 3 vỉ x 10 viên bao phim giải phóng chậm	60	1	2.100,00	2.300,00	36.000	75.600.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
387	978	G1827	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	Oresol	0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g	Thuốc bột	Uống	Gói	VD-26361-17	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An	Việt Nam	Hộp 40 gói	24	4	1.560,00	1.570,00	48.000	74.880.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LONG XUYÊN
388	980	G1829	Acid amin*	Amiparen – 5	Mỗi 200ml chứa: L-Tyrosin 0,05g; L-Aspartic acid 0,1g; L-Glutamic acid 0,1g; L-Serin 0,3g; L-methionin 0,39g; L-Histidin 0,5g; L-Prolin 0,5g; L-Threonin 0,57g; L-Phenylalanin 0,7g; L-Isoleucin 0,8g; L-Valine 0,8g; L-Alanine 0,8g; L-Arginin 1,05g; L-Leucine 1,4g; Glycine 0,59g; L-Lysine Acetate 1,48g (tương đương L-Lysine 1,05g); L-Tryptophan 0,2g; L-Cysteine 0,1g.	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	VD-28286-17	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	36	4	53.000,00	56.304,00	200	10.600.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
389	980	G1837	Acid amin*	Acid Amin 7.2%	Mỗi 200ml chứa: L-Tyrosin 0,1g; L-Aspartic acid 0,2g; L-Glutamic acid 0,2g; L-Serine 0,6g; L-Histidin 0,7g; L-Prolin 0,6g; L-Threonin 0,7g; L-Phenylalanin 1g; L-Isoleucin 1,8g; L-Valin 2g; L-Alanin 0,5g; L-Arginin 0,9g; L-Leucin 2,8g; L-Lysin acetat 1,42g; L-Methionin 0,6g; L- Tryptophan 0,5g; L-Cystein 0,2g.	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	VD-28287-17	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	24	4	115.000,00	128.162,00	200	23.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
390	980	G1838	Acid amin*	Acid Amin 8%	Mỗi 200ml chứa: L-Arginin HCl 1,46g; L-Histidin.HCl.H2O 0,64g; L-Methionin 0,2g; L-Phenylalanin 0,2g; L-Threonin 0,9g; L-Valin 1,68g; Glycin 1,8g; L-Lysin HCl 1,52g; L-Tryptophan 0,14g; L-Leucine 2,2g; L-Isoleucin 1,8g; L-Prolin 1,6g; L-Serin 1g; L-Alanin 1,5g; L-Cystein.HCl.H2O 0,08g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	VD-27298-17	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	36	4	104.000,00	117.347,00	200	20.800.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
391	984	G1847	Calci clorid	Calci clorid 500mg/ 5ml	500mg/ 5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	VD-22935-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	36	4	843,00	1.450,00	50	42.150,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
392	985	G1850	Glucose	Glucose 5%	5%, 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	VD-35954-22	Công Ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	Chai 500 ml, thùng 20 chai	36	4	7.035,00	13.588,00	18.000	126.630.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VĨNH LONG

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
393	985	G1853	Glucose	Glucose 30%	30%, 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	VD-23167-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai 250ml	24	4	10.878,00	14.100,00	6.000	65.268.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
394	986	G1855	Kali clorid	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	1g/10ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Ống	VN-16303-13	Laboratoire Aguettant	Pháp	Hộp 50 ống PP x 10ml	36	1	5.500,00	5.880,00	1.200	6.600.000,00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
395	987	G1856	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền	Ống	VD-19567-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	36	4	2.835,00	2.900,00	600	1.701.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
396	990	G1861	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	0,9%, 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	VD-35956-22	Công ty Cổ Phần IVC	Việt Nam	Chai 500ml, Thùng 20 chai	36	4	6.153,00	12.472,00	24.000	147.672.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRƯỜNG KHANG
397	990	G1862	Natri clorid	Natri clorid 3%	3%, 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	VD-23170-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai 100ml	36	4	8.190,00	8.200,00	300	2.457.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
398	991	G1863	Natri clorid + dextrose/glucose	Sodium chloride 0,9% & dextrose 5%	Mỗi chai 250ml chứa: Natri clorid 2,25g; Dextrose tương đương Dextrose khan 12,5g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	VD-20961-14	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 500ml	36	4	11.500,00	14.000,00	6.000	69.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
399	994	G1869	Ringer lactat	Ringer lactate	500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	VD-22591-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	36	4	7.130,00	10.500,00	18.000	128.340.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
400	996	G1876	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	500ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	Chai	VD-23172-15	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	36	4	8.400,00	8.950,00	100	840.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
401	998	G1877	Calci carbonat	Kitno	625mg	Viên nén nhai	Uống	Viên	VD-27984-17	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	1.400,00	1.400,00	120.000	168.000.000,00	CÔNG TY TNHH DP NGUYÊN ANH KHOA
402	999	G1881	Calci carbonat + calci gluconolactat	Calcium Hasan 250mg	150mg + 1.470mg	viên nén sủi bọt	Uống	viên	VD-28536-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 12 viên	36	4	1.785,00	1.800,00	120.000	214.200.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
403	1000	G1884	Calci carbonat + vitamin D3	Totcal Soft capsule	750mg + 100IUg	Viên nang mềm	Uống	Viên	VN-20600-17	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 20 vỉ x 5 viên	36	2	3.900,00	4.500,00	90.000	351.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
404	1001	G1889	Calci lactat	Calcium Lactate 300 Tablets	300mg	Viên nén	Uống	viên	6573/QLD-KD	Remedica Ltd	Síp	Hộp/10 vỉ x 10 viên	60	1	2.000,00	2.250,00	720.000	1.440.000.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
405	1001	G1893	Calci lactat	Mumcal	500mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	ống	VD-20804-14	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	36	4	3.250,00	4.500,00	240.000	780.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH VINH
406	1006	G1900	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	Nofired Eff Strawberry	456mg + 426mg	Viên sủi	Uống	Viên	VD-23875-15	Bidiphar	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 4 viên	24	4	3.990,00	4.950,00	90.000	359.100.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN SUNDIAL PHARMA
407	1011	G1906	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Bifehema	399mg (tương đương với sắt 50mg) + 10,77mg (tương đương với Mangan 1,33mg) + 5mg (tương đương với Đồng 0,7mg)	Dung dịch uống	Uống	Ống	VD-29300-18	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	36	4	3.045,00	3.360,00	60.000	182.700.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
408	1015	G1909	Vitamin A + D3	Vitamin AD	4000 IU + 400 IU	Viên nang mềm	Uống	Viên	VD-29467-18	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	599,00	600,00	240.000	143.760.000,00	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ NGỌC LINH
409	1015	G1910	Vitamin A + D2	Vina-AD	2000 IU + 400 IU	Viên nang mềm	Uống	Viên	VD-19369-13	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	576,00	577,00	240.000	138.240.000,00	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ NGỌC LINH
410	1017	G1914	Vitamin B1 + B6 + B12	SaVi 3B	100mg; 100mg; 150mcg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-30494-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	24	2	1.540,00	1.545,00	360.000	554.400.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
411	1017	G1919	Vitamin B1 + B6 + B12	3B - Medi	125mg 125mg 250mcg	Viên nang mềm	Uống	Viên	VD-22915-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	36	4	1.197,00	1.250,00	480.000	574.560.000,00	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM IVY
412	1017	G1920	Vitamin B1 + B6 + B12	Cosyndo B	175mg + 175mg + 125mcg	Viên	Uống	Viên	VD-17809-12	Armephaco	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	1.150,00	1.200,00	360.000	414.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN SUNDIAL PHARMA
413	1017	G1921	Vitamin B1 + B6 + B12	HOVINLEX	200mg + 100mg + 1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-33261-19	Công ty CP dược-vật tư y tế Thanh Hóa (Thephaco)	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	1.900,00	2.950,00	120.000	228.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ÂU VIỆT
414	1017	G1922	Vitamin B1 + B6 + B12	Scanneuron-Forte	250mg + 250mg + 1000mcg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-22013-14	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	24	2	1.952,00	1.952,00	240.000	468.480.000,00	LIÊN DANH TÂY NAM - SAPHARCO
415	1017	G1923	Vitamin B1 + B6 + B12	Pivineuron	250mg + 250mg + 1000mcg	Viên nang cứng	Uống	viên	VD-31272-18	Công ty CP Dược Phúc Vinh	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	1.800,00	2.200,00	180.000	324.000.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÚC VINH
416	1022	G1929	Vitamin B6 + magnesi lactat	Magnesi B6	5mg + 470mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-30758-18	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 10 viên	60	4	125,00	800,00	480.000	60.000.000,00	CÔNG TY CP DƯỢC MEDIPHARCO
417	1024	G1933	Vitamin C	SaVi C 500	500mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	VD-23653-15	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 2 túi nhôm x 5 vỉ x 10 viên	36	2	1.000,00	1.200,00	180.000	180.000.000,00	CÔNG TY TNHH MN PHARMA
418	1027	G1940	Vitamin E	Incepavit 400 Capsule	400IU	Viên nang cứng	Uống	Viên	VN-17386-13	Incepta Pharmaceuticals Ltd	Bangladesh	Hộp 03 vỉ x 10 viên	24	2	1.850,00	2.035,00	120.000	222.000.000,00	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM

TT	STT/ TT30 (UBND tỉnh duyệt)	Mã (HSMT)	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng sử dụng	ĐVT	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Nhóm	Giá trúng thầu (có VAT)	Giá kê khai	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
419	1030	G1943	Vitamin PP	Vitamin PP	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	VD-31750-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	4	207,00	500,00	180.000	37.260.000,00	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
																		100.201.004.960,00	

Tổng cộng: 419 khoản **100.201.004.960 đồng**

Thành tiền: Một trăm tỷ hai trăm linh một triệu không trăm linh bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Y tế An Giang;
- BHXH tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: Tổ thầu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐKTT AN GIANG

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM AN GIANG

Nguyễn Duy Tân